

Bản án số: 230/2020/HNGĐ-ST

Ngày 24 – 9 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM ĐƠI, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Càn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Hữu Thọ

Ông Châu Hải Dương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Đơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 364/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 414/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Trúc L, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp V, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp A, xã N1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Ấp T, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện của chị Nguyễn Trúc L, thể hiện:*

Chị L và anh Nguyễn Văn N chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, sự việc đã được gia đình hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được và đã sống ly thân cho đến nay. Từ nguyên nhân trên, chị L xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn với anh N.

Quá trình chung sống, các đương sự có 02 người con chung, gồm: Nguyễn Trọng C, sinh ngày 12/10/2004 và Nguyễn Ngọc Th, sinh ngày 06/8/2006 do anh N đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L xác định sẽ tự thỏa thuận việc nuôi con sau khi ly hôn với anh N và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có.

\* *Đối với anh Nguyễn Văn N:* Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng về yêu cầu khởi kiện của chị L nhưng anh N không có ý kiến gì và không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Chị Nguyễn Trúc L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai để tham gia xét xử vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh N chung sống với nhau vào năm 2002 nhưng không đăng ký kết hôn. Theo chị L, khi về chung sống đến năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, gia đình đã hòa giải hàn gắn nhưng không khắc phục được; do đó, chị L xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn chung sống trở lại nên yêu cầu được ly hôn với anh N. Anh N không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị L yêu cầu xin ly hôn với anh N mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự này là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị L xác định sẽ thỏa thuận việc nuôi con sau khi ly hôn với anh N và không yêu cầu giải quyết; anh N không có ý kiến gì về vấn đề này nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về việc nuôi con, cấp dưỡng sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản và các vấn đề khác: Chị L xác định không có; anh N không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Trúc L và anh Nguyễn Văn N.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010896 ngày 21/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị L đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Văn Càn**